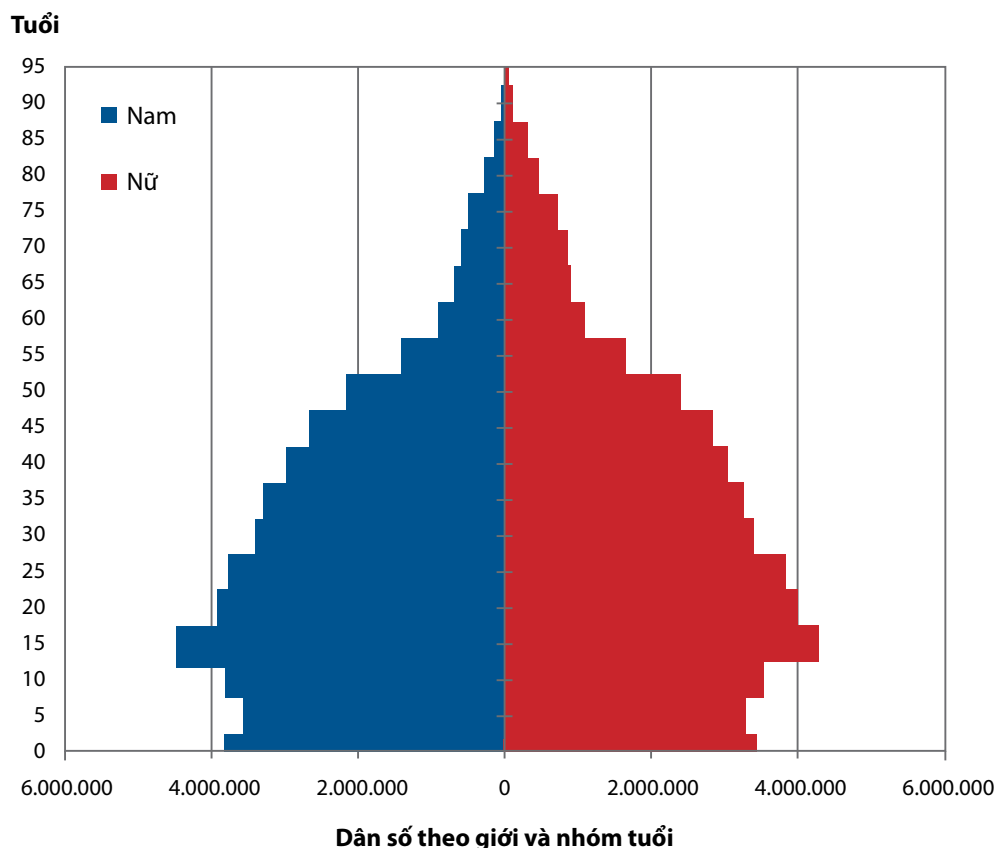


## 10. MẤT CÂN BẰNG GIỚI TÍNH VÀ CƠ CẤU NHÂN KHẨU HỌC CỦA VIỆT NAM

Tháp dân số trong Hình 15 dựa trên số liệu mẫu TĐTDS cho thấy Việt Nam có những biến động trong lịch sử nhân khẩu học. Đặc biệt, cơ cấu tuổi và giới tính của dân số đã phản ánh những tác động của chiến tranh tới nhân khẩu học và quy luật sinh bù sau chiến tranh, với dân số trên 55 tuổi có quy mô khá nhỏ và sự thiếu hụt tương đối số nam giới trong độ tuổi này. Tuy nhiên, đến năm 2009, đặc điểm nổi bật của cơ cấu tuổi là sự giảm sút đáng kể của nhóm dân số dưới 15 tuổi sau khi mức sinh giảm liên tục nhiều năm. Số sinh trong thời gian 2004-2009 tăng nhẹ không phản ánh mức sinh tăng, mà do ảnh hưởng của sự bùng nổ dân số sau chiến tranh năm 1975. Nhóm dân số này hiện nay đang ở độ tuổi kết hôn và sinh con.

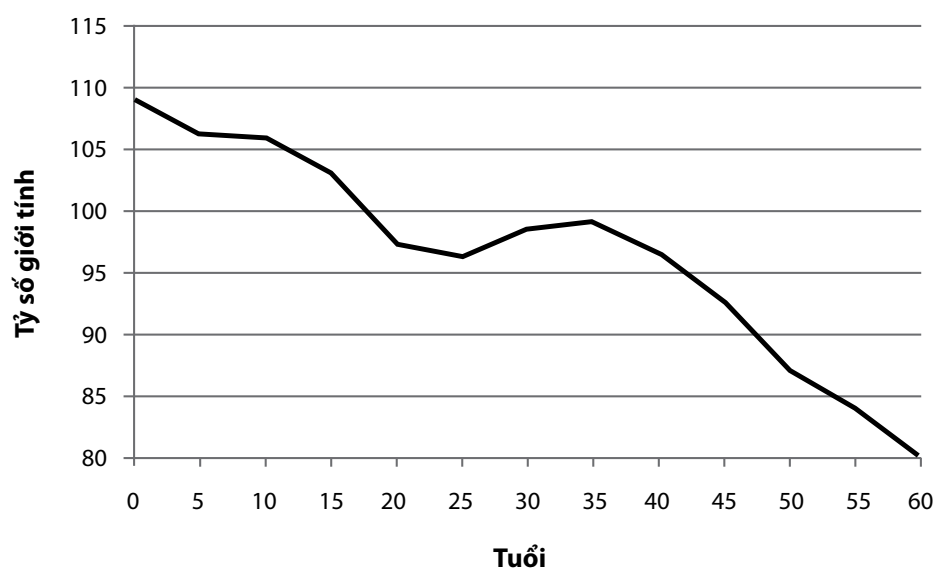
**Hình 15: Dân số theo giới tính và nhóm tuổi, dựa trên mẫu 15% của TĐTDS 2009**



Hình 16 cho thấy TSGT đặc trưng theo tuổi, tính toán từ tháp tuổi trình bày ở trên. Như dự đoán, TSGT giảm theo tuổi có thể do tác động của mức tử vong về mặt sinh học cao hơn ở trẻ em trai so với trẻ em gái trong cùng đoàn hệ tuổi. Tuy nhiên xu hướng giảm TSGT theo tuổi này được tạo nên bởi các cấu thành khác nhau: sự gia tăng gần đây TSGTKS trong 10 năm qua, sự suy giảm TSGT của nhóm dân số trưởng thành liên quan đến di cư quốc tế, thống kê thiếu số nam giới trẻ không cư trú tại các hộ gia đình và cuối cùng là sự suy giảm TSGT nhanh chóng trong nhóm dân số trên 45 tuổi do mức chết của nam giới trong nhóm tuổi này cao do chiến tranh.

Theo quan sát và phân tích về xu hướng TSGTKS đã trình bày ở trên, TSGT của nhóm dân số ở độ tuổi 5-14 ở mức 108 có vẻ bị ước lượng quá mức, cao hơn mức TSGTKS của nhóm trẻ em sinh ra trong giai đoạn 1994-2003, mặc dù theo dự tính thì TSGT của nhóm trẻ em ở độ tuổi 5-14 lẽ ra phải thấp hơn TSGTKS của nhóm ca sinh tương ứng do mức tử vong trẻ em trai cao hơn so với trẻ em gái về mặt sinh học. Thực tế là mức tỷ số giới tính này có thể bị ước lượng quá mức do hệ thống quyền số theo giới tính (Phụ lục 3). Số liệu TĐTDS toàn diện sẽ cung cấp một góc nhìn rõ ràng hơn về cơ cấu tuổi và giới tính.

**Hình 16: Tỷ số giới tính theo nhóm tuổi, dựa trên mẫu 15% của TĐTDS 2009**



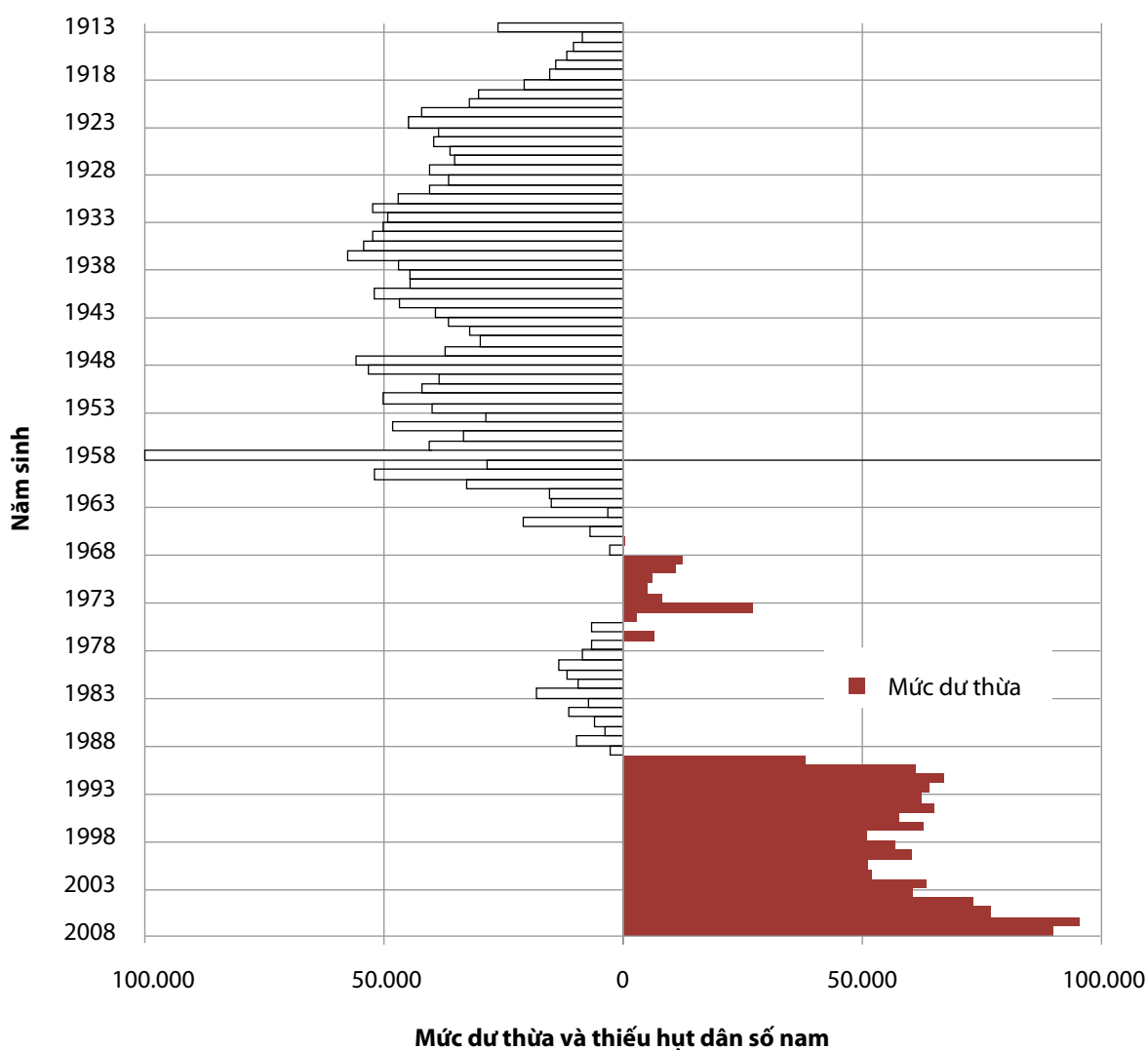
Dân số Việt Nam hiện nay vẫn có số nữ giới nhiều hơn nam giới. Điều này đã quan sát thấy từ những năm 1960. Tỷ số giới tính của dân số tăng dần từ những năm 1970 và hiện nay là 98,1. Hình 17 cho thấy mức độ dân số nam và nữ dư thừa theo từng độ tuổi vào năm 2009 thể hiện sự khác biệt số tuyệt đối giữa dân số nam và nữ. Mức dư thừa nam giới ở phần bên phải của hình<sup>13</sup> cho thấy số dư thừa nam chủ yếu ở nhóm dân số trẻ, trong khi số dư thừa nữ chủ yếu ở dân số già vì các lý do kể trên. Sự gia tăng gần đây về TSGTKS sẽ khuếch đại tỷ lệ nam trong dân số, khi nhóm dân số già dần qua đời và các nhóm dân số trẻ với nam giới chiếm phần hơn sẽ dần thay thế. Về lâu dài, mất cân bằng giới tính khi sinh sẽ tác động đến sự phân bố giới tính của dân số, dẫn đến mất cân bằng giới tính kéo dài, và điều này sẽ tác động đến cơ cấu dân số Việt Nam trong hơn 50 năm nữa.

Các dự báo dân số dựa trên các tham số về mức sinh, mức chết (xem Phụ lục 8 về phương pháp dự báo) được thực hiện để đánh giá các xu hướng nhân khẩu học tương lai. Một tham số quan trọng của dự báo này là TSGTKS vì chỉ số này sẽ quyết định mức độ mất cân bằng trong các thập kỷ tới<sup>14</sup>. Những tác động của tình trạng mất cân bằng TSGTKS phụ thuộc chủ yếu vào hai yếu tố: mức độ mất cân bằng giới tính khi sinh, bao gồm mức đỉnh điểm và thời gian kéo dài xu hướng này trước khi trở về mức bình thường (nếu có thể).

<sup>13</sup> Mức thiếu hụt cao nhất vào năm 1958, thể hiện qua hình khuyết ở nhóm nữ giới tuổi 50.

<sup>14</sup> Xem Guilimoto (2010) để có chi tiết hơn về kỹ thuật này dựa theo dân số Trung Quốc và Ấn Độ.

**Hình 17: Mức dư thừa nam, nữ theo năm sinh**



Trong khi rất khó có thể dự báo chính xác TSGTKS hiện nay sẽ biến đổi như thế nào, đã có những bằng chứng cho thấy sự gia tăng của TSGTKS có vẻ sẽ lan sang các quần thể dân cư mới và các tỉnh mới trong một tương lai gần, tiềm ẩn khả năng gia tăng hơn nữa TSGTKS toàn quốc. Để giải tỏa những dự đoán không chắc chắn, báo cáo này đưa ra ba phương án dự báo nhân khẩu học dựa trên các xu hướng TSGTKS trong tương lai được trình bày dưới đây. Dự báo này mang tính dự báo nhân khẩu học nhiều hơn là dự báo dân số, dựa trên ba tình huống biến đổi TSGTKS trong tương lai, được rút ra từ những phân tích ở trên về sự khác biệt theo vùng, tình trạng kinh tế-xã hội và xu hướng TSGTKS quan sát được từ năm 2003.

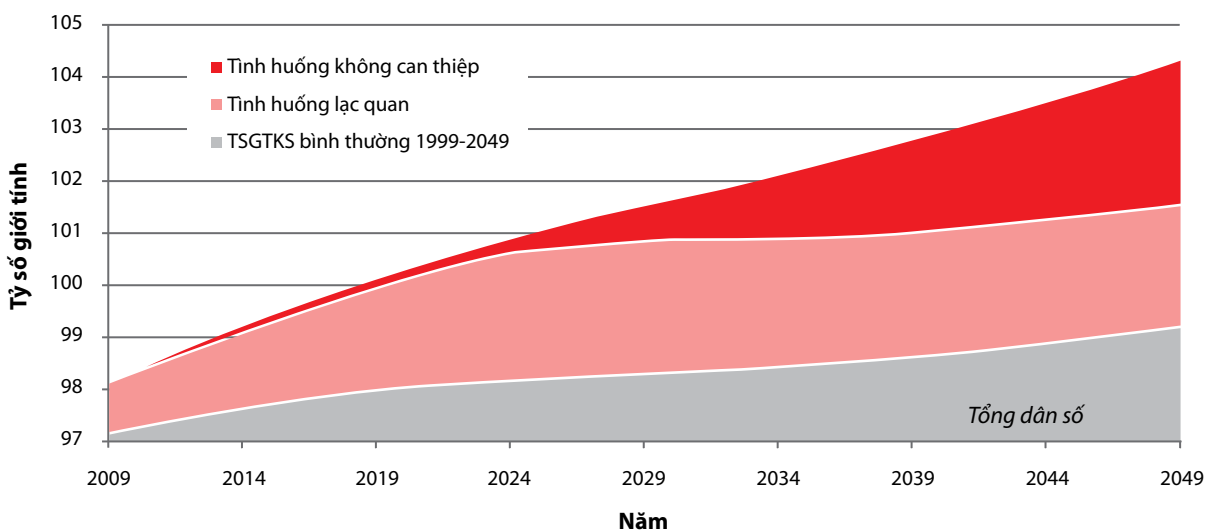
- Trong tình huống thứ nhất “không có can thiệp”, TSGTKS dự báo sẽ tăng lên 115 vào năm 2015, mức này tương đương với thực tế ghi nhận được ở Trung Quốc trong những năm 1990 và hiện đang quan sát được ở vùng Đồng bằng sông Hồng. Theo tình huống này, TSGTKS sẽ giữ ở mức này từ sau năm 2015. Đây là tình huống bi quan trong đó tình trạng

mất cân bằng giới tính là đặc điểm nhân khẩu học nổi bật của dân số Việt Nam trong những năm tới. Tuy nhiên, mức TSGTKS dài hạn trong mô phỏng vẫn thấp hơn mức hiện tại của Trung Quốc.

- Ngược lại, tình huống thứ hai khả quan hơn với giả thiết rằng sự gia tăng TSGTKS diễn ra chậm hơn và ở mức 115 vào năm 2020, sau đó dần trở về mức bình thường (105) vào năm 2030. Tình huống này hàm ý những can thiệp chính sách công và thay đổi xã hội sẽ kiềm chế mức độ gia tăng TSGTKS, và kéo TSGTKS trở về mức bình thường, tránh cho Việt Nam khỏi xu hướng như đã diễn ra ở một vài vùng của Trung Quốc hay Ấn Độ. Cả hai tình huống này có thể xem như giới hạn trên và giới hạn dưới của tình trạng mất cân bằng giới tính ở Việt Nam.
- Tình huống thứ ba dựa trên giả thuyết rằng TSGTKS ổn định ở mức bình thường (105) trong suốt giai đoạn 1999-2049. Giả định này hàm ý rằng nhóm dân số dưới 10 tuổi vào năm 2009 không bị ảnh hưởng bởi tình trạng mất cân bằng giới tính như hiện nay. Theo tình huống này, phân bố dân số theo giới tính năm 2009 được điều chỉnh để loại bỏ số dư thừa trẻ em trai do tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

Theo các nhóm tham số khác nhau, cả ba tình huống trên đều chỉ ra rằng TSGT của toàn bộ dân số sẽ tăng dần ở tất cả các khu vực dân cư (Hình 18). Theo như cả hai tình huống dự báo lạc quan và bi quan thì bắt đầu vào năm 2020 trở về sau, tổng dân số nam sẽ nhiều hơn nữ. Nhưng trong tình huống TSGTKS cao và không có can thiệp nhằm giảm tình trạng lựa chọn giới tính trước sinh, TSGT của toàn bộ dân số sẽ tăng lên không ngừng, đạt mức 104 vào năm 2049. Trong tình huống thứ hai với TSGTKS sẽ giảm dần từ sau năm 2020, TSGT của toàn bộ dân số sẽ tương đối ổn định, với mức dư thừa nam giới ít. Trong tình huống thứ ba, TSGT có mức gia tăng chậm hơn, ổn định ở mức sinh học bình thường trong suốt giai đoạn này, và tỷ lệ nữ giới trong dân số Việt Nam vẫn sẽ nhiều hơn trong nửa đầu thế kỷ này.

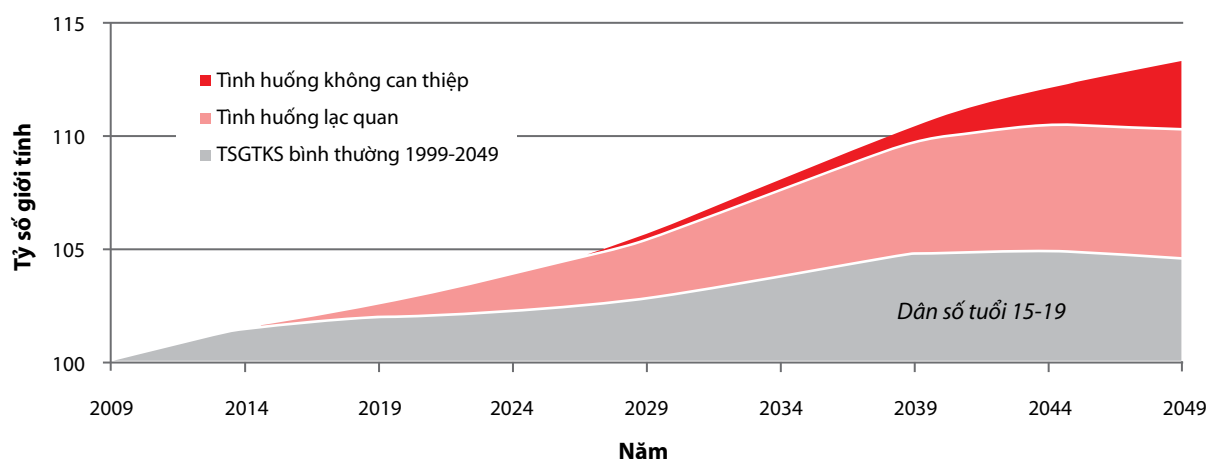
**Hình 18: TSGT của dân số theo ba tình huống mô phỏng TSGTKS**



Hậu quả tiêu cực nhất của tình trạng mất cân bằng TSGTKS lên cơ cấu dân số của Việt Nam trong tương lai sẽ tác động trực tiếp đến giới trẻ. “Thị trường hôn nhân” vốn dựa trên mối quan hệ cân bằng và ổn định giữa tỷ lệ nam - nữ, nhưng sự gia tăng gần đây trong TSGTKS có thể sẽ làm thay đổi các xu hướng trong quá khứ, và làm giảm khả năng tìm kiếm bạn đời của nam giới. Điều này cũng tạo ra áp lực rất lớn đối với phụ nữ và có thể gây lên tình trạng gia tăng bạo hành giới, buôn bán phụ nữ<sup>15</sup>. Hình 19 phản ánh mức độ mất cân bằng giới tính trong nhóm dân số trưởng thành, tuổi 15-49. Kết quả thu được cho thấy TSGT của nhóm dân số trưởng thành này thay đổi nhanh và mạnh mẽ hơn so với TSGT của toàn bộ dân số, như đã trình bày trong Hình 18.

Từ sau năm 2009, TSGT của nhóm dân số tuổi trưởng thành trong độ tuổi kết hôn này sẽ tăng từ mức 100 hiện nay lên 105 vào năm 2029, sự gia tăng này không phụ thuộc vào những thay đổi của TSGTKS. Sau giai đoạn này, nó sẽ tăng tiếp lên 113 vào năm 2049 trong tình huống không can thiệp. Như vậy, vào năm 2049, mức này tương ứng với việc dư thừa khoảng 12% nam giới tuổi dưới 50. Sự dư thừa này có thể dẫn đến những thay đổi to lớn trong các mối quan hệ về giới trong xã hội, với hàm ý rằng điều này có thể dẫn đến một cuộc khủng hoảng trong thị trường hôn nhân (còn gọi là “sức ép hôn nhân” - “marriage squeeze”). Theo tình huống dự báo thứ hai, TSGT của dân số trưởng thành sẽ ở mức 110 năm 2044 và giảm đi sau đó. Khoảng thời gian tính từ thời điểm TSGTKS bắt đầu giảm (2020) cho đến khi những tác động của đà giảm sút này có thể quan sát được (2049) là khá dài. Tình huống thứ ba cho thấy TSGT của nhóm dân số trưởng thành, trong trường hợp không có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, sẽ tăng chậm dần và đạt đến mức dưới 105, biểu hiện một xã hội hoàn toàn khác trong đó mức dư thừa nam giới là nhỏ (và có thể được điều chỉnh bằng cách kết hôn muộn).

**Hình 19: TSGT của dân số trưởng thành (tuổi 15-49) theo các tình huống mô phỏng**



<sup>15</sup> Trong khuôn khổ của chuyên khảo này không thể thảo luận toàn bộ các quá trình có thể diễn ra do tình trạng gia tăng số nam giới và những tác động của nó đến gia đình và xã hội. Tóm lại, mất cân bằng giới tính có thể ảnh hưởng bước đầu tới toàn bộ hành vi của nam giới và quá trình hình thành gia đình.

Trong tình huống không có can thiệp, có thể dự báo rằng TSGTKS sẽ tăng đến mức 115 và không giảm đi sau đó sẽ tạo ra sự dư thừa khoảng 58.000 trẻ em trai mỗi năm trong giai đoạn 2009-2049<sup>16</sup>. Số nam giới dư thừa này biểu hiện mức TSGTKS cao bất thường được sử dụng làm tham số trong các tình huống mô phỏng. Số trẻ em trai dư thừa hàng năm này được tích lũy qua một hay nhiều thập kỷ sẽ là những con số đáng kể so với một quốc gia như Việt Nam.

Mức độ mất cân bằng giới tính khi sinh hiện nay ở Việt Nam có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống hôn nhân trong tương lai. Một yếu tố khác góp phần tạo áp lực cho thị trường hôn nhân là sự gia tăng tuổi kết hôn ở phụ nữ, độ tuổi này hiện nay là 22,8 tuổi - khá thấp so với các quốc gia thuộc nhóm phát triển ở châu Á. Các xu hướng di cư cũng góp phần làm mất cân bằng số lượng cô dâu và chú rể tương lai. Dự báo những bất thường trong hệ thống hôn nhân do tình trạng mất cân bằng TSGTKS gây ra và những phản ứng có thể với sức ép hôn nhân như kết hôn muộn, tình trạng gia tăng xuất cư, tình trạng độc thân ở nam giới, sẽ là những rủi ro trong tương lai. Những tác động của tình trạng dư thừa nam giới hiện nay lên cơ cấu nhân khẩu học ở Việt Nam là khó tránh khỏi.

---

<sup>16</sup> Hình này phản ánh sự khác biệt giữa số trẻ em trai dư thừa theo dự báo và số nam vượt quá so với mức chuẩn TSGTKS 105